ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THÁNG 9/2026

Stt	Họ và tên NCC	Tên chủ tài khoản	Số tài khoản	Số sổ lĩnh tiền	Tiền trợ cấp hàng tháng
TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%					
1	Nguyễn Sỹ Chiến	Nguyễn Sỹ Chiến	100881611105	TB23110607KT	3.839.000
2	Nguyễn Sĩ Đảo	Nguyễn Sĩ Đảo	101881821970	TB 8044 KT	3.667.000
3	Mạnh Xuân Cương	Mạnh Xuân Cương	106881298634	TB 23030231KT	1.878.000
4	Nguyễn Danh Miễn	Nguyễn Thị Lơi	100882665887	TB 23030230KT	4.024.000
5	Nguyễn Danh Thửa	Nguyễn Danh Thửa	107881298606	TB 23030229KT	1.878.000
6	Nguyễn Trọng Khương	Nguyễn Trọng Khương	105881538807	TB 23030228KT	4.024.000
7	Tăng Xuân Vinh	TĂng xuân vinh	103881647840	TB 120239 KT	3.667.000
8	Nguyễn Đức Khư	Nguyễn Đức Khư	105881321236	TB 110195 KT	2.236.000
9	Cao Văn Phẩm	Cao Văn Phẩm	100881321244	TB 70323 KT	1.878.000
10	Đào Xuân Hải	Đào Xuân Hải	109881611133	TB0322KT	1.878.000
11	Đào Văn Vin	Đào Văn Vin	101881611265	TB0321KT	1.969.000
12	Nguyễn Sỹ Tân	Nguyễn Sỹ Tân	107881611123	TB0320KT	2.053.000
13	Nguyễn Sỹ Thông	Nguyễn Sỹ Thông	101881611104	TB0314KT	1.878.000
14	Đào Văn Vương	Phạm Thị Thanh Dung	106881372439	TB0313KT	1.878.000
15	Đào Quang Hậu	Đào Quang Hậu	101881372571	TB0312KT	2.236.000
16	Đỗ Văn Phượng	Đỗ văn Phượng	102881372433	TB0311KT	1.878.000
17	Nguyễn Trung Bình	Nguyễn Trung Bình	109881611088	TB0241KT	1.969.000
18	Cao Văn Viên	Cao văn viên	0948998236	TB1541KT	4.561.000
19	Nguyễn Quốc Thịnh	Nguyễn Quốc Thịnh	105881514510	TB0701KT	3.753.000
20	Đỗ Đại Toàn	Đỗ Đại Toàn	100006254325	TB1673KT	1.878.000
21	Phạm Ngọc Hinh	Phạm Ngọc Hinh	102881321215	TB3503KT	1.969.000
22	Nguyễn Danh Khắc	Nguyễn Danh Khắc	104881298624	TB3508KT	2.589.000
23	Phạm Ngọc Toàn	Phạm Ngọc Toàn	107881298621	TB3507KT	2.770.000
24	Phạm Văn Hùng	Phạm Văn Hùng	102881298626	TB4015KT	2.770.000
25	Nguyễn Văn Tiến	Nguyễn Văn Tiến	105881298608	TB4514KT	1.878.000
26	Bùi Đức Xoai	Bùi Đức Xoai	105881662834	TB1559KT	4.024.000
27	Phạm Viết Nhiên	Phạm Viết Nhiên	108881298620	TB0714KT	1.878.000
28	Đoàn Phú Minh	Đoàn Phú Minh	101881298615	TB0676KT	1.878.000
29	Đào Văn Nam	Đào Văn nam	102881321279	TB2652KT	4.289.000
30	nguyễn văn vui	Nguyễn Văn Vui	109881478066	TB1070KT	1.878.000
31	Nguyễn Danh Thu	Nguyễn Danh Thu	106881298622	TB1065KT	2.236.000
32	Nguyễn Hữu Nhị	Nguyễn Hữu Nhị	102881298638	TB0623KT	1.878.000
33	Bùi Xuân Chứ	Bùi Xuân Chứ	108882057654	TB0622KT	2.053.000
34	Phạm Đức Tể	Phạm Đức Tể	105881298611	TB0619KT	1.878.000

35	Nguyễn Văn Toàn	Nguyễn Thị Hiên	107882977593	TB0615KT	1.878.000
36	Phạm Đức Tốt	Phạm Đức Tốt	104881298609	TB0613KT	1.878.000
37	Nguyễn Quang Phụng	Nguyễn Quang Phụng	107881298619	TB0610KT	2.505.000
38	Nguyễn Thị Lếnh	Nguyễn Danh Hái	109881298631	TB0608KT	1.969.000
39	Phạm Đức Tuấn	Nguyễn Duy Tuyên	103882960552	TB0607KT	1.969.000
40	Bùi Xuân Khánh	Bùi Xuân Khánh	108881298618	TB0604KT	2.236.000
41	Phạm Đức Thành	Phạm Đắc Thành	108881298632	TB0603KT	2.236.000
42	Nguyễn Thành Tâm	Nguyễn Thành Tâm	103881298625	TB0602KT	2.236.000
43	Nguyễn Danh Quyện	Nguyễn Danh Quyện	100881298628	TB0599KT	2.236.000
44	Nguyễn Công Dũng	Nguyễn Công Dũng	104881298636	TB0597KT	2.236.000
45	Nguyễn Thị Trợ	Nguyễn Thị Trợ	103881662836	TB0596KT	2.323.000
46	Nguyễn Danh Hái	Nguyễn Danh Hái	109881298631	TB0595KT	2.589.000
47	Nguyễn Đình Lừng	Nguyễn Đình Lừng	103881298637	TB0593KT	2.770.000
48	Nguyễn Đình Chót	Nguyễn Đình Chót	101881298627	TB0591KT	2.862.000
49	Nguyễn Đăng Trung	Nguyễn Đăng Chung	100881298616	TB0587KT	3.132.000
50	Phạm Đức Khoát	Phạm Thị Quỳnh Hương	101878076334	TB0585KT	3.667.000
51	Lý Quốc Bảo	Lý Đại Nghĩa	104004466953	TB0584KT	4.024.000
52	Nguyễn Danh Điểm	Nguyễn Danh Điểm	104882960551	TB0583KT	5.093.000
53	Tăng Xuân Khôi	Tăng Xuân Khôi	102881445321	TB0579KT	1.878.000
54	Đào Xuân Hợi	Đào Xuân Hợi	104881321252	TB0578KT	1.878.000
55	Hoàng Trung Vụ	Hoàng Trung Vụ	107881321304	TB0577KT	1.878.000
56	Hoàng Sỹ Quế	Hoàng Ngọc Quế	100881321271	TB0575KT	1.878.000
57	Nguyễn Đình Vĩnh	Nguyễn Đình Vĩnh	108881321273	TB0570KT	1.969.000
58	Phạm Tiến Sách	Phạm Tiến Sách	103881445320	TB0567KT	2.770.000
59	Nguyễn Duy Tư	Nguyễn Văn Tứ	102881321227	TB0565KT	2.770.000
60	Phạm Duy Đỉnh	Phạm Duy Đỉnh	105881321319	TB0561KT	2.770.000
61	Phạm Viết Lương	Phạm Viết Lương	107882620259	TB0560KT	3.217.000
62	Nguyễn Khắc Cảnh	Nguyễn Khắc Cảnh	100881321229	TB0559KT	3.667.000
63	Cao Văn Phước	Cao văn phước	101881321282	TB0557KT	4.561.000
64	Đào Văn Thiệp	Nguyễn Thị Thu	105882620263	TB0541KT	4.200.000
65	Đào Xuân Kít	Đào Xuân Kít	101881372544	TB0540KT	4.024.000
66	Đỗ Danh Côi	Đỗ Danh Côi	101881850692	TB0538KT	4.024.000
67	Đỗ Đại Thoa	Phạm Thị Thanh Dung	106881372439	TB0537KT	4.024.000
68	Đào Xuân Gang	Đào Xuân Gang	101881611131	TB0535KT	4.024.000
69	Đào Quang Lợi	Nguyễn Thị Thu	105882620263	TB0534KT	3.667.000
70	Đào Xuân Hạnh	Đào Xuân Hạnh	105881850703	TB0533KT	3.667.000
71	Nguyễn Sỹ Viên	Nguyễn Thị Thu	105882620263	TB0531KT	3.667.000
72	Phạm Văn Bết	Phạm Văn Bết	103881611115	TB0529KT	3.217.000
73	Nguyễn Sỹ Dểnh	Nguyễn Sỹ Dểnh	108881372437	TB0528KT	3.132.000
74	Đào Xuân Yêng	Nguyễn ThỊ Thu	105882620263	TB0526KT	3.132.000
75	Phạm Năng Tơ	Phạm Năng Tơ	105882057672	TB0524KT	3.132.000
76	Đào Quốc Đạt	Đào Quốc Đạt	102881670366	TB0523KT	2.770.000

77	Nguyễn Đức Liến	Nguyễn Đức Liến	109880954058	TB0521KT	2.770.000
78	Đào Xuân Trừ	Đào văn Trừ	108881611110	TB0518KT	2.411.000
79	Đào Văn Vìn	Đào Văn Vìn	102881372570	TB0517KT	2.236.000
80	Phạm Hùng Thắng	Phạm Hùng Thắng	103881611096	TB0516KT	2.236.000
81	Hoàng Thị Hiền	Hoàng Thị Hiền	109881850694	TB0513KT	2.053.000
82	Nguyễn Sỹ Hà	Nguyễn Sỹ Hà	101881611098	TB0508KT	1.878.000
83	Nguyễn Sỹ Vuôn	Nguyễn Sĩ Vuôn	102881611264	TB0507KT	1.878.000
84	Nguyễn Đình Hanh	Nguyễn Đình Hanh	105881611100	TB0506KT	1.878.000
85	Vũ Hữu Hời	Vũ Hữu Hời	103881372566	TB0505KT	2.053.000
86	Vũ Hữu Xuyên	Vũ Hữu Xuyên	108881850683	TB0503KT	1.878.000
TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%					
1	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Thanh Bình	100881611087	TB0976	5.450.000
2	Cao Văn Lâm	Cao Sơn Lâm	102881321312	TB0572KT	5.629.000
4	Phạm Hưu Giảng	Phạm Hữu Giảng	100881321301	TB0555KT	5.450.000
5	Nguyễn Duy Nức	Nguyễn Duy Nức	102881321254	TB0553KT	6.343.000
6	Đỗ Đại Hanh	Đỗ Đại Hanh	109882097530	TB0547KT	6.343.000
7	Hoàng Thế Cự	Hoàng Thế Cự	101882057663	TB0545KT	5.450.000
8	Nguyễn Sỹ Hoán	Nguyễn Thị Thu	105882620263	TB0544KT	5.450.000
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên					
1	Phạm Tiến Tân	Phạm Tiến Tân	102881445319	TB0552KT	8.639.000
2	Phạm Tiến Xuân	Phạm Tiến Xuân	103881321265	TB0551KT	8.639.000
3	Phạm Viết Hoà	Phạm Viết Hoà	107881321210	TB0550KT	8.639.000
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên có VT ĐB nặng					
1	Cao Văn Bàng	Cao Thế Lữ	107881321207	TB0549KT	11.001.000
BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%					
1	Đỗ Danh Bảo	Đỗ Danh Bảo	108881372574	BB0220KT	2.911.000
BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%					
1	Đỗ Quang Hoà(TB.B)	Đỗ Văn Hoà	100881321231	BB0237KT	3.627.000
2	Đào Văn Thuận	Đào văn Thuận	109881819848	BB0222KT	3.627.000
3	Phạm Năng Khuý	Phạm Năng Khuý	100881372545	BB0221KT	3.627.000
BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%					
1	Phạm Đức Tỷ	Phạm Đức Tỷ	107881372535	BB0254KT	4.622.000
2	Nguyễn Quang Đát	Nguyễn Quang Đát	109881298629	BB0253KT	4.622.000
3	Mạnh Xuân Cương	Mạnh Xuân Cương	106881298634	BB0252KT	4.622.000
4	Bùi Xuân Trự	Bùi Xuân Chự	109881298617	BB0251KT	4.622.000
5	Nguyễn Thế Khá	Nguyễn Thế Khá	104881514508	BB0250KT	4.622.000
6	Nguyễn Tiến Hàn	Nguyễn Tiến Hàn	107881662832	BB0249KT	4.622.000
7	Lương Văn Hoa	Lương Văn Hoa	104882665883	BB0248KT	4.622.000
8	Nguyễn Danh Thửa	Nguyễn Danh Thửa	107881298606	BB0247KT	4.622.000
9	Nguyễn Văn Năng	Nguyễn Văn Năng	103882620280	BB0246KT	4.622.000
10	Nguyễn Sỹ Hiền	Nguyễn Sĩ Hiền	100881298630	BB0245KT	4.622.000
11	Nguyễn Quang Vượng	Nguyễn Quang Vượng	107881298633	BB0242KT	4.622.000

12	Nguyễn Danh Miễn	Nguyễn Thị Lơi	100882665887	BB0239KT	4.622.000
13	Nguyễn Trọng Khương	Nguyễn Trọng Khương	105881538807	BB0238KT	4.622.000
14	Phạm Tiến Nhương	Phạm Tiến Nhương	104886344413	BB0236KT	4.622.000
15	Tăng Xuân Vinh	Tăng Xuân Vinh	103881647840	BB0235KT	4.622.000
16	Hoàng Trung Thực	Hoàng Trung thường	104881321225	BB0233KT	4.622.000
17	Đào Mạnh Tuấn	Đào Mạnh Tuấn	108881321219	BB0231KT	4.622.000
18	Vũ Hồng Quang	Vũ Hào Quang	106881321248	BB0230KT	4.622.000
19	Cao Quý Đương	Cao Quý Đương	107881321286	BB0229KT	4.622.000
20	Phạm Hữu Văn	Phạm Hữu Văn	108881321260	BB0228KT	4.622.000
21	Hoàng Trung Cảnh	Hoàng Văn Cảnh	109881321269	BB0227KT	4.622.000
22	Nguyễn Sỹ Chiến	Nguyễn Sỹ Chiến	100881611105	BB0216KT	4.622.000
23	Đào Quang Khải	Đào Quang Khải	105881850698	BB0215KT	4.622.000
24	Đào Xuân Mậu	Đào Xuân Mậu	107881850696	BB0214KT	4.622.000
25	Phạm Đăng Lâm	Phạm Đăng Lâm	109881819862	BB0206KT	4.622.000
26	Nguyễn Sỹ Dểnh	Nguyễn Sỹ Dểnh	108881372437	BB0204KT	4.622.000
27	Vũ Văn Công	Vũ Văn Công	106881850702	BB0203KT	4.622.000
28	Đào Xuân Hoà	Nguyễn Thị Thu	105882620263	BB0202KT	4.622.000
29	Nguyễn Sỹ Thanh	Nguyễn Sỹ Thanh	105881611137	BB0201KT	4.622.000
30	Nguyễn Sỹ Thoa	Nguyễn Sĩ Thoa	104881611101	BB0198KT	4.622.000
31	Đào Văn Pha	Đào Văn Pha	102881372567	BB0195KT	4.622.000
32	Nguyễn Sỹ Khải	Nguyễn Sỹ Khải	106882057671	BB0194KT	4.622.000
33	Nguyễn Danh Chín	Nguyễn Danh Chín	104881372538	BB0192KT	4.622.000
BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%					
1	Nguyễn Đức Khư	Nguyễn Đức Khư	105881321236	BB0223KT	5.329.000
TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%					
1	Nguyễn Thế Khá	Nguyễn Thế Khá	104881514508	TBB24030413KT	3.015.000
2	Kiều Anh Tùy	Kiều Anh Tùy	108881372534	TBB 23030232KT	1.552.000
3	Bùi Đức Thụ	Bùi Đức Thụ	103881298613	QT0020KT	2.280.000
4	Bùi Đức Nha	Bùi Đức Nha	103881514509	QT0019KT	2.577.000
TB B suy giảm KNLĐ từ 61-80%					
1	Lưu Bá Quang	Lưu Bá Quang	105881298635	QT0018KT	4.835.000
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình					
1	Phạm Tiến Tân	Phạm Tiến Tân	102881445319		2.789.000
2	Phạm Tiến Xuân	Phạm Tiến Xuân	103881321265		2.789.000
3	Phạm Viết Hoà	Phạm Viết Hoà	107881321210		2.789.000
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ĐBN ở gia đình					
1	Cao Văn Bàng	Cao Thế Lữ	107881321207		3.582.000
Người phục vụ người nhiễm CĐHH trên 81%					
1	Lã Đức Uộp				2.789.000
Tuất 1 liệt sỹ					
1	Nguyễn Thị Khi	Nguyễn Thị Khi	107881478068	TL0230KT	2.789.000
2	Cao Thị Mỳ	Nguyễn Sĩ Sơn	101872731535	TL2303KT	2.789.000

3	Đỗ Thị Bình	Đỗ Thị Bình	109881372546	TL1520KT	2.789.000
4	Phạm Thị Mận	Hoàng Trung Thường	104881321225	TL0601KT	2.789.000
5	Lã Thị Nhừ	Lã Thị Nhừ	103882665884	TL0602KT	2.789.000
6	Nguyễn Thị Thâu	Nguyễn Thị Huế	106881321262	TL0774KT	2.789.000
7	Nguyễn Thị Lê	Nguyễn Thị Lê	106881372536	TL0600KT	2.789.000
8	Nguyễn Thị Lâm	Nguyễn Thị Lâm	102881821966	TL0520KT	2.789.000
9	Phạm Thị Phin	Đào Văn Nam	102881321279	CD0511KT	2.789.000
10	Đinh Thị Hồi	Đinh Thị Hồi	101882057651	TL0928KT	2.789.000
11	Bùi Thị Đám	Nguyễn Duy Tuyên	103882960552	TL0923KT	2.789.000
12	Đinh Thị Xa	Phạm Thị An	107882947748	TL0922KT	2.789.000
13	Hồ Thị Vải	Trần Bá Thắng	102882620281	TL0921KT	2.789.000
14	Vũ Thị Nhã	Nguyễn Thị Sim	109882665890	TL0918KT	2.789.000
15	Nguyễn Thị Lanh	Nguyễn Thị Thu	108882665889	TL0914KT	2.789.000
16	Nguyễn Thị Thi	Phạm Đình Quang	101883079641	TL0911KT	2.789.000
17	Nguyễn Thị Thoán	Nguyễn Xuân Mùi	109881372533	TL0904KT	2.789.000
18	Nguyễn Hữu Bám	Nguyễn Hữu Nhung	105005331091	TL0903KT	2.789.000
19	Phạm Thị Bến	Nguyễn Hữu Nhung	105005331091	TL0902KT	2.789.000
20	Kiều Thị Dài	Nguyễn Thị Đợi	105882665882	TL0899KT	2.789.000
21	Ngô Thị Thễn	Nguyễn Duy Tuyên	103882960552	TL0897KT	2.789.000
22	Đào Thị Nuôi	Phạm Đức Yên	103882620278	TL0894KT	2.789.000
23	Nguyễn Thị Mùi	Nguyễn Thị Mùi	106882665893	TL0891KT	2.789.000
24	Phạm Thị Hợp	Phạm Thị Hợp	104881662835	TL0884KT	2.789.000
25	Nguyễn Thị Chiêng	Trần Bá Thắng	102882620281	TL0882KT	2.789.000
26	Phạm Thị Nề	Nguyễn Thị Ước	103882665896	TL0878KT	2.789.000
27	Đào Thị Thước	Nguyễn Xuân Sông	102882810419	TL0876KT	2.789.000
28	Ngô Thị Hoà	Bùi Thị Hợi	107881478071	TL0869KT	2.789.000
29	Cao Thị Điểm	Phạm Thị Tuyết	103881445318	TL0866KT	2.789.000
30	Đỗ Thị Nở	Đỗ Thị Trang	100603250387	TL0856KT	2.789.000
31	Nguyễn Thị Vương	Đỗ Minh Lương	108003924071	TL0853KT	2.789.000
32	Nguyễn Thị Triệu	Phạm Thị Ngọc	103876598136	TL0852KT	2.789.000
33	Nguyễn Thị Tri	Nguyễn Thị Huyền	105881445316	TL0850KT	2.789.000
34	Nguyễn Thị Lĩnh	Nguyễn Thị Lính	106881321250	TL0849KT	2.789.000
35	Cao Thị Dâu	Đỗ Thị Trang	100603250387	TL0843KT	2.789.000
36	Đỗ Thị Tân	Đào Thị Liên	107881445314	TL0840KT	2.789.000
37	Phạm Thị Bồi	Cao Thế Lữ	107881321207	TL0839KT	2.789.000
38	Tăng Thị Nhẫm	Phạm Tiến Khương	100881502086	TL0835KT	2.789.000
39	Nguyễn Thị Ngạn	Cao Thị Thuý	102881321242	TL0834KT	2.789.000
40	Nguyễn Thị Khẻ	Đỗ minh Lương	108003924071	TL0832KT	2.789.000
41	Tăng Thị Bân	Đỗ Ngọc Dũng	100881321217	TL0831KT	2.789.000
42	Nguyễn Thị Lý	Hoàng Thị Lập	101881445310	TL0824KT	2.789.000
43	Phạm Tiến Tiệm	Hoàng Thị Lập	101881445310	TL0823KT	2.789.000
44	Đỗ Thị Thắng	Nguyễn Thị Linh	101882620255	TL0809KT	2.789.000

45	Nguyễn Thị Mảnh	Nguyễn Thị Mảnh	106881819838	TL0807KT	2.789.000
46	Nguyễn Thị Thành	Nguyễn Thị Thành	106881372427	TL0806KT	2.789.000
47	Nguyễn Thị Non	Nguyễn Thị Thu	105882620263	TL0805KT	2.789.000
48	Đào Thị Nẹm	Đào Thị Nẹm	109881819850	TL0801KT	2.789.000
49	Nguyễn Thị Gạn	Nguyễn Thị Gạn	105882326830	TL0797KT	2.789.000
50	Nguyễn Thị Duyền	Nguyễn Thị Duyền	104881372417	TL0795KT	2.789.000
51	Phạm Thị Quýnh	Phạm Thị Quýnh	108882097531	TL0794KT	2.789.000
52	Nguyễn Thị Y	Nguyễn Thị Y	103881611102	TL0793KT	2.789.000
53	Vũ Thị Vị	Vũ Thị Vị	107881819852	TL0790KT	2.789.000
54	Nguyễn Thị ái	Nguyễn Thị Ái	105882097534	TL0786KT	2.789.000
55	Phạm Thị Lừng	Phạm Thị Lừng	109882235750	TL0783KT	2.789.000
56	Nguyễn Thị Mỉnh	Nguyễn Thị Mỉnh	102881850689	TL0782KT	2.789.000
57	Nguyễn Thị Đệ	Nguyễn ThỊ Đệ	103881819856	TL0777KT	2.789.000
58	Đặng Thị Vui	Đặng Thị Vui	103881850690	TL0776KT	2.789.000
59	Đỗ Thị Mý	Đỗ Thị Mý	104882326829	TL0774KT	2.789.000
60	Đỗ Thị Nhỡ	Đỗ Thị Nhỡ	108881850695	TL0772KT	2.789.000
61	Phạm Thị Nghị	Phạm Thị Nghị	101881819858	TL0766KT	2.789.000
62	Phạm Thị Phỏng	Đào Văn Thắng	103881714196	TL0763KT	2.789.000
63	Đỗ Thị Ngổm	Đỗ Thị Ngổm	107882057655	TL0761KT	2.789.000
64	Đỗ Thị Ngôm	Đỗ Thị Ngôm	103882057659	TL0760KT	2.789.000
65	Đào Thị Tuyền	Đào THỊ TuyỀn	100882326835	TL0753KT	2.789.000
66	Đỗ Thị Lựu	Đỗ Thị Lựu	100881850681	TL0737KT	2.789.000
67	Vũ Thị Pha	Vũ ThỊ Pha	104881819855	TL0736KT	2.789.000
68	Nguyễn Thị Quy	Nguyễn Thị Quy	100881819861	TL0730KT	2.789.000
69	Nguyễn Thị Hưu	Nguyễn Thị Hưu	101881372568	TL0729KT	2.789.000
70	Hoàng Thị Thướng	Hoàng Thị Thướng	106881819865	TL0724KT	2.789.000
71	Đỗ Thị Sở	Nguyễn Thị Đảm	103883896516	TL0719KT	2.789.000
Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND					
1	Hoàng Thị Liên	Cao Thị Hà	105882617359	TL0854KT	5.020.000
2	Phạm Thị Min	Phạm Thị Min	107881850684	TL0718KT	5.020.000
3	Đào Thị Thơ	Đào Xuân Hải	104882561022	TL0717KT	5.020.000
4	Nguyễn Thị Thạo	Nguyễn Thị Thạo	106880997890		5.020.000
Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB					
1	Trần Thị Vượng			021563	1.565.000
2	Đào Thị Tòng	Đào Thị Tòng	100881611099	TT0231KT	1.565.000
3	Nguyễn Thị Vấn	Nguyễn Thị Vấn	102881850706	TT0246KT	1.565.000
4	Nguyễn Thị Miến	Nguyễn Thị Miến	109881880830	TBB 739 KT	1.565.000
5	Đào Thị Nhường	Đào Thị Nhường	100882057664	TT1403KT	1.565.000
6	Đào Thị Thảo	Đào Thị Thảo	103881325247	TT1402KT	1.565.000
Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB					
1	Đinh Thị Mai	Đinh Thị Mai	106882620275	TBB25062517KT	1.565.000
2	Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Thị Loan	105881611113	TT023688KT	1.565.000

3	Vũ Thị Ngởn	Vũ Thị Ngởn	105881611094	TT0555KT	1.565.000
4	Nguyễn Thị Bé	Nguyễn Thị Thu	105882620263	TT0942KT	1.565.000
5	Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Xuân Tiến	100870270512	T BB23040331KT	1.565.000
6	Đào Thị Phôn	Đào Thị Phôn	102882057662	TBB 120235 KT	1.565.000
7	Nguyễn Thị Chiến	Nguyễn Thị Hương	109882606747	TT0210KT	1.565.000
8	Nguyễn Thị Vân	Tăng Phan Kim Sáng	103882505544	TT0454KT	1.565.000
9	Lê Thị Đậu	Lê Thị Đậu	104881321322	TT0780KT	1.565.000
10	Nguyễn Thị Mùi	Hoàng Thị Lập	101881445310	TT0376KT	1.565.000
11	Phạm Thị Thuận	Phạm Thị Thuận	105881821976	TT0281KT	1.565.000
12	Nguyễn Thị Phin	Phạm Thị Phin	109882620257	TT0847KT	1.565.000
13	Nguyễn Thị Dần	Nguyễn Thị Dần	108881372559	TT0267KT	1.565.000
14	Đào Thị Sóng	Đào Thị Sóng	108881321246	TT0040KT	1.565.000
15	Vũ Thị Tứ	Vũ Thị Tứ	104881850704	TT0037KT	1.565.000
16	Đào Thị Lý	Đào Thị Lý	104882326831	TT0034KT	1.565.000
Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB					
1	Đỗ Thị Bốn	Phạm Thị Ngọc	103876598136	TCĐ24050602KT	1.565.000
2	Nguyễn Thị Xe	Nguyễn Thị Xe	109881298604	TCD0043KT	1.565.000
3	Phạm Thị Hạnh	Phạm Thị Hạnh	108881298605	CDT0211KT	1.565.000
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% trở xuống					
1	Nguyễn Tiến Hàn	Nguyễn Tiến Hàn	107881662832	CD1325KT	3.542.000
2	Lương Văn Hoa	Lương Văn Hoa	104882665883	CD0681KT	3.542.000
3	Đào Xuân Yêng	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0672KT	3.542.000
4	Phạm Hùng Thắng	Phạm Hùng Thắng	103881611096	CD0671KT	3.542.000
5	Nguyễn Sỹ Hoán	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0670KT	3.542.000
6	Nguyễn Đình Lửng	Nguyễn Đình Lừng	103881298637	CD3512KT	3.542.000
7	Phạm Đức Tể	Phạm Đức Tể	105881298611	CD3510KT	3.542.000
8	Đào Xuân Mậu	Đào Xuân Mậu	107881850696	CD3527KT	3.542.000
9	Nguyễn Danh Miễn	Nguyễn Thị Lơi	100882665887	CD3509KT	3.542.000
10	Nguyễn Sỹ Thanh	Nguyễn Sỹ Thanh	105881611137	CD0802KT	3.542.000
11	Nguyễn Quang Phụng	Nguyễn Quang Phụng	107881298619	CD1265KT	3.542.000
12	Phạm Viết Nhiên	Phạm Viết Nhiên	108881298620	CD1264KT	3.542.000
13	Nguyễn Trọng Khương	Nguyễn Trọng Khương	105881538807	CD2304KT	3.542.000
14	Lý Văn Bảo	Lý Đại Nghĩa	104004466953	CD1556KT	3.542.000
15	Phạm Tiến Sách	Phạm Tiến Sách	103881445320	CD1533KT	3.542.000
16	Nguyễn Đức Khư	Nguyễn Đức Khư	105881321236	CD1532KT	3.542.000
17	Hoàng Văn Cảnh	Hoàng văn cảnh	109881321269	CD1530KT	3.542.000
18	Phạm Tiến Nhương	Phạm Tiến Nhương	104886344413	CD1527KT	3.542.000
19	Hoàng Trung Thực	Hoàng trung thường	104881321225	CD1526KT	3.542.000
20	Cao Văn Phước	Cao Văn Phước	101881321282	CD1523KT	3.542.000
21	Đào Văn Hoà	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0512KT	3.542.000
22	Đào Quang Lợi	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0511KT	3.542.000
23	Đào Văn Thuận	Đào Văn Thuận	109881819848	CD0508KT	3.542.000

24	Đào Quốc Đạt	Đào Quốc Đạt	102881670366	CD0507KT	3.542.000
25	Phạm năng Tơ	Phạm năng Tơ	105882057672	CD0506KT	3.542.000
26	Vũ Hữu Hời	Vũ Hữu Hời	103881372566	CD0505KT	3.542.000
27	Đỗ Danh Lốc	Đỗ Danh Lốc	105881372577	CD0605KT	3.542.000
28	Đỗ Văn Khuể	Đỗ Văn Khuể	100881321295	CD0773KT	3.542.000
29	Cao Văn Trất	Cao Văn Trất	105881321288	CD0772KT	3.542.000
30	Phạm Văn Điền	Phạm Văn Điền	105881321306	CD0771KT	3.542.000
31	Phạm Duy Dũng	Nguyễn Duy Dũng	104881321213	CD0770KT	3.542.000
32	Nguyễn Duy Khuể	Nguyễn Duy Khuể	102881498191	CD0769KT	3.542.000
33	Nguyễn Khắc Hiếm	Nguyễn Khắc Hiếm	106881321299	CD0766KT	3.542.000
34	Nguyễn Quang Vịnh	Nguyễn Quang Vinh	109881321315	CD0765KT	3.542.000
35	Phạm Quang Chiến	Phạm Quang Chiến	106881321223	CD0764KT	3.542.000
37	Đào Văn Nam	Đào văn nam	102881321279	CD0762KT	3.542.000
38	Nguyễn Trọng Chinh	Nguyễn Trọng Chinh	109881321284	CD0761KT	3.542.000
39	Phạm Văn Nhượng	Phạm Tiến Phong	101881610784	CD0760KT	3.542.000
40	Đỗ Văn Cận	Đỗ Văn Cận	103881321292	Cd0759KT	3.542.000
41	Phạm Duy Tài	Phạm Duy Tài	104881321277	Cd0757KT	3.542.000
42	Phạm Duy Phi	Cao Thị Hiền	108881321233	CD0756KT	3.542.000
43	Phạm Hữu Phả	Phạm Xuân Sinh	105881175721	CD0754KT	3.542.000
44	Nguyễn Duy Thấu	Nguyễn Duy Thắng	100881445311	CD0753KT	3.542.000
45	Phạm Ngọc Ly	Phạm Ngọc Ly	100882620256	CD0752KT	3.542.000
46	Phạm Hữu Liêu	Phạm Thị Thoa	108882620260	CD0751KT	3.542.000
47	Nguyễn Đức Lưỡng	Nguyễn Đức Lưỡng	104881611126	CD0744KT	3.542.000
48	Vũ Hữu Cầm	Vũ Hữu Cầm	104881611138	CD0736KT	3.542.000
49	Nguyễn Hồng Vỹ	Nguyễn Hồng Vỹ	103881372542	CD0735KT	3.542.000
50	Đỗ Danh Vân	Đỗ Danh Vân	101881819860	CD0733KT	3.542.000
51	Đào Xuân Quang	Đào Xuân Quang	107882097532	CD0732KT	3.542.000
52	Nguyễn Sĩ Khải	Nguyễn Sĩ Khải	106881611112	CD0731KT	3.542.000
53	Nguyễn Sĩ Bắc	Nguyễn Sĩ Bắc	101881611129	CD0730KT	3.542.000
54	Phạm Văn Nghẹ	Phạm Văn Nghẹ	105881819839	CD0728KT	3.542.000
55	Nguyễn Sĩ Cử	Nguyễn Sĩ Cử	105881372430	CD0725KT	3.542.000
56	Nguyễn Sỹ Xây	Nguyễn Sĩ Xây	108881819863	CD0723KT	3.542.000
57	Đào Văn Phả	Đào văn Phả	109881372560	CD0722KT	3.542.000
58	Đào Xuân Hai	Đào Xuân Hai	102881611130	CD0721KT	3.542.000
59	Nguyễn Sĩ Ngò	Nguyễn Sỹ Ngò	108881611122	CD0720KT	3.542.000
60	Đỗ Danh Hạnh	Đỗ Danh Hạnh	107881611108	CD0719KT	3.542.000
61	Nguyễn Sĩ Tong	Nguyễn Sỹ Tong	101881611086	CD0718KT	3.542.000
62	Nguyễn Văn Ba	Nguyễn Văn Ba	102881611128	CD0717KT	3.542.000
63	Nguyễn Sĩ Thự	Nguyễn Sĩ Thự	106881611109	CD0716KT	3.542.000
64	Đỗ Đại Ngừng	Đỗ Đại Ngừng	108881819849	CD0714KT	3.542.000
65	Nguyễn Đức Điệp	Nguyễn Đức Điệp	102881372543	CD0713KT	3.542.000
66	Nguyễn Xuân Phùng	Nguyễn Thị Yến	102881167756	CD0619KT	3.542.000

67	Nguyễn Danh Biên	Nguyễn Danh Biên	106881298607	CD0618KT	3.542.000
68	Đinh Văn Cận	Đinh Huy Cận	107881821974	CD0616KT	3.542.000
69	Phạm Đăng Lâm	Phạm Đăng Lâm	109881819862	CD0514KT	3.542.000
70	Nguyễn Sỹ Viên	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0513KT	3.542.000
71	Đào Mạnh Tuấn	Đào Mạnh Tuấn	108881321219	CD2524KT	3.542.000
72	Đỗ Danh Côi	Đỗ Danh Côi	101881850692	CD0404KT	3.542.000
73	Vũ Văn Bình	Vũ Văn Bình	100881821968	CD0593KT	3.542.000
74	Phạm Đức Hiệp	Phạm Thị Hằng	105882109962	CD0587KT	3.542.000
75	Bùi Xuân Đỡ	Bùi Xuân Đỡ	101881821967	CD0584KT	3.542.000
76	Nguyễn Danh Thu	Nguyễn Danh Thu	106881298622	CD0582KT	3.542.000
77	Cao Văn Ruệ	Cao Xuân Ruệ	108881321297	CD0578KT	3.542.000
78	Nguyễn Duy Tự	Nguyễn Duy Tự	106881321275	CD0571KT	3.542.000
79	Nguyễn Duy Phẩm	Nguyễn Duy Phẩm	103881321308	CD0565KT	3.542.000
80	Đỗ Văn Vịnh	Đỗ Văn Vịnh	104881321240	CD0562KT	3.542.000
81	Nguyễn Quốc Thời	Nguyễn Sĩ Thời	104882057658	CD0483KT	3.542.000
82	Nguyễn Sỹ Hoà	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0479KT	3.542.000
83	Đào Xuân Tuấn	Đào Xuân Mạnh	106878812809	CD0470KT	3.542.000
84	Trương Công Đạo	Trương công đạo	103882057661	CD0469KT	3.542.000
85	Phạm Đắc Ba	Phạm Đắc Ba	106881611124	CD0468KT	3.542.000
86	Đào Xuân Lự	Đào Xuân Lự	105881372540	CD0466KT	3.542.000
87	Đỗ Danh Vân	Đỗ Danh Vân	106881372563	CD0464KT	3.542.000
88	Nguyễn Sỹ Thông	Nguyễn Sỹ Thông	109881372585	CD0460KT	3.542.000
89	Đào Văn Vỉn	Đào văn Vỉn	108881372561	CD0455KT	3.542.000
90	Hoàng Kim Soòng	Hoàng Kim Điệp	101882326834	CD0452KT	3.542.000
91	Nguyễn Sỹ Nhân	Nguyễn Sĩ Nhân	105881819842	CD0440KT	3.542.000
92	Đào Quang Hậu	Đào Quang Hậu	101881372571	CD0436KT	3.542.000
93	Đào Xuân Son	Đào Xuân Son	109881372558	CD0429KT	3.542.000
94	Đỗ Danh Sợ	Đỗ Danh Sợ	104881611114	CD0426KT	3.542.000
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên					
1	Nguyễn Sỹ Thứ	Nguyễn SỸ Thứ	109881611106	CD3103KT	6.358.000
2	Đỗ Danh Hút	Nguyễn Thị Thu	102881611097	CD0425KT	6.358.000
TB, TB B, BB, người hưởng MSLĐ bị nhiễm CĐHH					
1	Phạm Văn Bết	Phạm Văn Bết	103881611115	CD0738KT	3.542.000
2	Vũ Hào Quang	Vũ Hào Quang	106881321248	CD0736KT	3.542.000
3	Đào Văn Tễ	Đào Văn Tễ	100881372584	CD0721KT	3.542.000
4	Đào Xuân Kít	Đào Xuân Kít	101881372544	CD0720KT	3.542.000
5	Đào Xuân Hạnh	Đào Xuân Hạnh	105881850703	CD0719KT	3.542.000
6	Đào Quang Thiệp	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0718KT	3.542.000
8	Đỗ Đại Hanh	Đỗ Đại Hanh	109882097530	CD0716KT	3.542.000
9	Đào Văn Trừ	Đào văn Trừ	108881611110	CD0713KT	3.542.000
10	Đỗ Đại Thoa	Phạm Thị Thanh Dung	106881372439	CD0712KT	3.542.000
11	Nguyễn Danh Điểm	Nguyễn Danh Điểm	104882960551	CD0700KT	3.542.000

Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%					
1	Đào Xuân Dũng	Đào Thị Dinh	100884043691	CĐ25041110KT	2.120.000
2	Phạm Hữu Nghị	Phạm Thị Huyền	107876308126	CĐ25020709KT	2.120.000
3	Tạ Xuân Vính	Tạ Xuân Vính	109882057653	CĐ24060314KT	2.120.000
4	Đào Văn Khánh	Đào văn Khánh	109882057665	CĐ24010954KT	2.120.000
5	Lương Văn My	Lương Văn My	107882665892	CD0890KT	2.120.000
6	Đặng Trần Noi	Đạng Trần Noi	105881298623	CD0892KT	2.120.000
7	Nguyễn Sĩ Khảm	Nguyễn Sĩ Khảm	100881372423	CD0480KT	2.120.000
8	Nguyễn Quốc Tuấn	Nguyễn Quốc Tuấn	108881611256	CD0245KT	2.120.000
9	Cao Sơn Lâm	Cao Sơn Lâm	102881321312	CD0651KT	2.120.000
10	Bùi Văn Kỳ	Bùi Văn Kỳ	105881611125	CD0322KT	2.120.000
11	Nguyễn Văn Thành	Nguyễn Văn Thành	105881372564	CD 1003 KT	2.120.000
12	Phạm Duy Sảo	Phạm Duy Dũng	108881445313	CD 20154 KT	2.120.000
13	Đào Xuân Hiến	Đào Xuân Hiến	109881611119	CD0306KT	2.120.000
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%					
1	Phạm Đình Hấn	Phạm Đình Hấn	102881662837	CĐ 2301075 KT	3.542.000
2	Đào Xuân Láp	Đào Xuân Láp	109881850682	CD0242KT	3.542.000
3	Nguyễn Văn Toàn	Nguyễn Thị Hiên	107882977593	CD0471KT	3.542.000
4	Nguyễn Đình Thục	Nguyễn Đình Thục	108881478067	CD 813 KT	3.542.000
5	Nguyễn Đăng Chung	Nguyễn Đăng Chung	100881298616	CD0258KT	3.542.000
6	Đỗ Văn Dũng	Đỗ Văn Dũng	103881819844	CD0463KT	3.542.000
7	Nguyễn Sỹ Thường	Phạm Thị Thanh Dung	106881372439	CD0453KT	3.542.000
8	Đào Văn Vương	Phạm Thị Thanh Dung	106881372439	CD0452KT	3.542.000
9	Đào Văn Vin	Đào Văn Vin	101881611265	CD0243KT	3.542.000
10	Nguyễn Sỹ Sảng	Nguyễn Sỹ Sảng	103881611127	CD0561KT	3.542.000
11	Đỗ Danh Bảo	Đỗ Danh Bảo	108881372574	CD0321KT	3.542.000
12	Nguyễn Văn Doanh	Nguyễn Văn Doanh	109881821969	CD 1637 KT	3.542.000
13	Đào Xuân Phán	Đào Xuân Phán	108881611134	CD0755KT	3.542.000
14	Bùi Đức Chiên	Bùi Đức Chiên	100881372532	CD3513KT	3.542.000
15	Nguyễn Xuân Mùi	Nguyễn Xuân Mùi	109881372533	CD1902KT	3.542.000
16	Nguyễn Quang Tưởng	Nguyễn Quang Tưởng	106881662833	CD1901KT	3.542.000
17	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Thanh Bình	100881611087	CD0714KT	3.542.000
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%					
1	Lã Đức Uộp		102653588889	54097	7.757.000
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%					
1	Đỗ Văn Lâm	Đỗ Văn Lâm	107881819840	CD0201KT	1.673.000
2	Đào Thị Tuyết	Đào Thị Tuyết	100881611266	CD0242KT	1.673.000
3	Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Thị Loan	104881819867	CD0404KT	1.673.000
4	Đào Thị Nhàn	Đào Thị Nhàn	100881372557	Cd0675KT	1.673.000
5	Nguyễn Đình Phú	Nguyễn Đình Phú	100881514515	CD3512KT	1.673.000
6	Phạm Đức Tuyển	Phạm Đức Tuyển	104881514511	CD3511KT	1.673.000
7	Phạm Thị Quyên	Phạm Thị Quyên	100881321256	CD1542KT	1.673.000

8	Tăng Thị Liễu	Tăng Phan Kim Sáng	103882505544	CD1540KT	1.673.000
9	Cao Văn Mưu	Cao Văn Phước	101881321282	CD1538KT	1.673.000
10	Nguyễn Duy Nam	Nguyễn Duy Nam	106882157498	CD1535KT	1.673.000
11	Đào Văn Hưng	Đào Văn Hưng	102882097537	CD1519KT	1.673.000
12	Phạm Năng Tiến	Phạm Năng Tiến	104882057673	CD1516KT	1.673.000
13	Vũ Thị Thuỷ	Vũ Thị Thuỷ	107881372441	CD1515KT	1.673.000
14	Đào Thị Hiền	Đào Thị Hiền	105881819854	CD0604KT	1.673.000
15	Nguyễn Thế Năng	Nguyễn Thế Năng	104869970170	CD0621KT	1.673.000
16	Đào Thị Hằng	Đào Văn Tễ	100881372584	CD0722KT	1.673.000
17	Nguyễn Xuân Việt	Nguyễn Xuân Bắc	104882620277	CD0612KT	1.673.000
18	Nguyễn Thị Hoa	Nguyễn Thị Thanh Hoa	103881514512	CD0608KT	1.673.000
19	Nguyễn Đăng Quân	Nguyễn Thị Hiền	101881478064	CD0606KT	1.673.000
20	Nguyễn Đức Sơn	Nguyễn Đức Sơn	105881372537	CD0605KT	1.673.000
21	Nguyễn Thị Hoài	Nguyễn Danh Điểm	104882960551	CD0604KT	1.673.000
22	Nguyễn Thanh Hiển	Phạm Thị Ngọc	103876598136	CD0553KT	1.673.000
23	Nguyễn Sỹ Hần	Nguyễn Sỹ Hần	108881321258	CD0552KT	1.673.000
24	Vũ Văn Việt	Vũ Hào Quang	106881321248	CD0551KT	1.673.000
25	Đào Xuân Đức	Đào Xuân Đức	103881372539	CD0540KT	1.673.000
26	Nguyễn Sỹ Hoàn	Nguyễn Sĩ Hoàn	100881611118	CD0539KT	1.673.000
27	Đào Xuân Hà	Đào Xuân Hà	106882097533	CD0537KT	1.673.000
28	Đỗ Thị Hải	Đỗ Thị Hải	103882326832	CD0535KT	1.673.000
29	Phạm Thị Liễu	Phạm Thị Liễu	103881372579	CD0534KT	1.673.000
30	Nguyễn Thị Thắm	Nguyễn Sỹ Thông	109881372585	CD0532KT	1.673.000
31	Nguyễn Thị Hà	Nguyễn Thị Hà	104881819843	CD0531KT	1.673.000
32	Đào Thị Nhàn	Đào Thị Nhàn	100881372557	CD0530KT	1.673.000
33	Nguyễn Sỹ Nhất	Nguyễn Sĩ Nhất	107881372426	CD0525KT	1.673.000
34	Đỗ Đại Thắng	Đỗ Đại Thắng	107881670361	CD0524KT	1.673.000
35	Đào Thị Nguyên	Đào Thị Nguyên	104881850687	CD0522KT	1.673.000
36	Đào Văn Hoan	Đào Văn Hoan	106881044319	CD0520KT	1.673.000
37	Nguyễn Thị Thuỷ	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0515KT	1.673.000
38	Đỗ Thị Vinh	Đỗ Thị Vinh	102881850691	CD0513KT	1.673.000
39	Đào Quang Tuấn	Đào Xuân Mạnh	106878812809	CD0511KT	1.673.000
40	Đào Xuân Tới	Đào Xuân Tới	100881819847	CD0510KT	1.673.000
41	Đỗ Thị Hiền	Đỗ Đại Hanh	109882097530	CD0509KT	1.673.000
42	Đào Xuân Vương	Đào Xuân Vương	100881819859	CD0508KT	1.673.000
43	Phạm Thị Hương	Phạm Thị Hương	100881611120	CD0502KT	1.673.000
44	Đỗ Thị Thu	Đỗ Đại Hanh	109882097530	CD0501KT	1.673.000
45	Đỗ Đại Hùng	Đỗ Đại Hùng	108882097529	CD0500KT	1.673.000
46	Phạm Thị Hiền	Phạm Thị Hiền	109881611121	CD0499KT	1.673.000
47	Hoàng Kim Điệp	Hoàng Kim Soong	101882326834	CD0498KT	1.673.000
48	Đào Xuân Long	Phạm Thị Mai	888819950888	CD0497KT	1.673.000
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên					

1	Nguyễn Duy Mỹ	Nguyễn Duy Mỹ	104881372553	CD0563KT	2.789.000
2	Nguyễn Thị Mến	Nguyễn Thị Mến	102881819857	CD0560KT	2.789.000
3	Nguyễn Sỹ Hiển	Nguyễn Sĩ Hiển	105856183939	CD0402KT	2.789.000
4	Nguyễn Thị Hiền	Nguyễn Thị Hiền	101881478064	CD0607KT	2.789.000
5	Hoàng Minh Thuận	Hoàng Minh Thuận	106881821975	CD0603KT	2.789.000
6	Vũ Thị Nga	Vũ Văn Bình	100881821968	CD0602KT	2.789.000
7	Lương Văn Khanh	Lương Văn Khanh	106881298610	CD0600KT	2.789.000
8	Nguyễn Thị Khuyên	Đặng Thị Khiên	102882810421	CD0599KT	2.789.000
9	Nguyễn Danh Thanh	Nguyễn Thị Hằng	106880532063	CD0597KT	2.789.000
10	Bùi Thị Hoa	Nguyễn Duy Tuyến	101897203939	CD0596KT	2.789.000
11	Phạm Thị Huế	Phạm Thị Síu	102883762283	CD0550KT	2.789.000
12	Đỗ Đức Thịnh	Đỗ Văn Vịnh	104881321240	CD0548KT	2.789.000
13	Nguyễn Thị ánh	Phạm Thị Phin	109882620257	CD0547KT	2.789.000
14	Đỗ Thị Lan	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0493KT	2.789.000
15	Đỗ Danh Tuân	Nguyễn Thị Thu	105882620263	CD0492KT	2.789.000
16	Nguyễn Hải Anh	Nguyễn Hải Anh	106881819841	CD0491KT	2.789.000
17	Đỗ Thị Thu	Đỗ Danh Thanh	104882057660	CD0489KT	2.789.000
18	Hoàng Thị Nhàn	Hoàng Kim Soong	101882326834	CD0488KT	2.789.000
19	Đỗ Danh Sinh	Phạm Thị Thanh Dung	106881372439	CD0487KT	2.789.000
Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT					
1	Nguyễn Văn Khoái	Nguyễn Sĩ Hiền	100881298630	QN0052KT	2.628.000
2	Phạm Văn Minh	Phạm Văn Bình	103000954185	QN0080KT	2.628.000
3	Đỗ Đại Ngừng	Đỗ Đại Ngừng	108881819849	QN0079KT	2.628.000
4	Đào Văn Giang	Đào Văn Giang	101881611117	QN0078KT	2.628.000
Quân nhân xuất ngũ từ 16 đến dưới 17 năm CT					
1	Nguyễn Đình Núi	Nguyễn Đình Núi	104881298612	QN0169KT	2.746.000
2	Trần Thị Tư	Trần Thị Tư	100881478065	QN0042KT	2.746.000
3	Lương Phú Duy	Lương Phú Duy	100881821971	QN0080KT	2.746.000
Quân nhân xuất ngũ từ 17 đến dưới 18 năm CT					
1	Đào Xuân Lưu	Đào Văn Giang	101881611117	QN0077KT	2.868.000
Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày					
1	Đào Xuân Tuấn	Đào Xuân Tuấn	101881819846	TD0272KT	1.673.000